Name: _____ **Date:** …./…./20....

Class: S4 **Tel:** 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 4 – UNIT 6: GOING PLACES

VOCABULARY 2

❖ ***Lưu ý:*** *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ* ***1 dòng*** *để ghi nhớ nhé.*

A. VOCABULARY

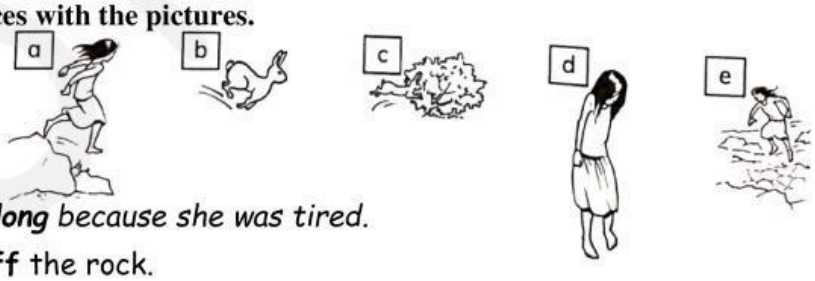
No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	picnic site (n)	địa điểm dã ngoại	9	enormous (adj)	to lớn, khổng lồ
2	sports centre (n)	trung tâm thể thao	10	skip off (phr.v)	rời đi một cách lặng lẽ, đột ngột
3	giggle (v)	cười khúc khích	11	leap over (phr.v)	nhảy qua (sông, hàng rào…)
4	pier (n)	bến tàu	12	hop off (phr.v)	nhảy xuống khỏi (đá, con ngựa,...)
5	metro station (n)	ga tàu điện ngầm	13	jump into (phr.v)	nhảy vào
6	bridge (n)	cây cầu	14	run away (phr.v)	bỏ chạy
7	rise (v)	nổi, dâng, mọc lên	15	sparkle (v)	nhấp nháy, rạng rỡ
8	theme park (n)	công viên giải trí theo chủ đề	16	plod along (phr.v)	đi chậm chạm, lê bước khó nhọc

❖ Note: n = Noun: Danh từ, phr.v = Phrasal verb: Cụm động từ, v = Verb: Động từ, adj = Adjective: Tính từ.

❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Match the sentences with the pictures.



0. Anna **plodded along** because she was tired.
1. Anna **hopped off** the rock.
2. The rabbit **jumped into** some bushes.
3. The rabbit **ran away** from the girl.
4. Anna **leapt over** the riverbed *(lòng sông)*.

Your answer:

0 - ***d***	1 - _____	2 - _____	3 - _____	4 - _____

LIVEWORKSHEETS

II. Unscramble the words.

0. S O R P T S C N T R E E ⇨ ***sports centre***

1. P C N I I C I S T E ⇨ _____

2. I P E R ⇨ _____

3. M T E R O T S A I O N T ⇨ _____

4. T E H M E P K A R ⇨ _____

5. R B D G E I ⇨ _____

III. Complete the sentences using the given words.

~~hopped~~	enormous	theme park	sports centre	bridge	giggled

0. Anna ***hopped*** off the rock.
1. Their house is absolutely _____! We nearly got lost.
2. If you feel energetic, you could join exercise classes at your local _____, village hall or other venues *(địa điểm)*.
3. They _____ at some private jokes.
4. A _____ is a large outdoor area where people pay to go to enjoy themselves.
5. They are building a new _____ across the river.

IV. Re-arrange the sentences.

0. hopped / off / the rock. / Anna

⇨ *Anna hopped off the rock.*

1. off / skipped / all / She / money. / the / with

⇨ _____

2. three degrees / could / Global temperatures / rise / or more.

⇨ _____

3. in / candlelight *(ánh nến)*. / the / jewellery / sparkled / Her

⇨ _____

4. tried / Tom / leap / to / the waist-high *(cao đến eo)* / over / wall.

⇨ _____

5. to the picnic site. / the entrance / near / The café / is

_____

Lưu ý: *Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới* ***1 dòng*** *để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc*

LIVEWORKSHEETS

Questions 7–13

For each question, choose the correct answer.

Three museums



Eureka!

Eureka! is a complete hands-on experience, which means that visitors can actually pick up any object in the museum. It's a great way for young visitors to learn about the world, the body, how things work and move. And when you buy an entry ticket, it allows you to come back as many times as you want for a whole year for no extra cost. As Eureka! is right next to Halifax train station, it's very easy to get to from all over the country.



Museum of Museums

Every time you visit the Museum of Museums, you'll be able to see something different. And that's because the things you see there are actually lent by other museums around the country. The museum always has lots of different vehicles, from ice-cream vans and old motorbikes to the different kinds of public transport people used to get to work many years ago. You can find out about all this and lots more.



Cinema Museum

Ronald Grant, who opened the Cinema Museum in the 1960s, travelled round the country and bought things from cinemas which were closing down. This included old film posters and wooden cinema seating. At the museum, you can now see these and much more, including the uniforms that cinema staff once had to wear.

Please let us know by phone or email if you'd like to come. We'll be happy to see you, but we need to arrange a guide, as it's only possible to visit the museum on an organised tour.

LIVEWORKSHEETS

		Eureka!	Museum of Museums	Cinema Museum
7	Which museum has an exhibition of clothes?	A	B	C
8	Which museum is full of things which visitors can touch?	A	B	C
9	Which museum is a good place to learn about how people travelled in the past?	A	B	C
10	Which museum can you visit again for free after you pay once?	A	B	C
11	Which museum do you need to contact before you visit?	A	B	C
12	Which museum shows things that were borrowed from other places?	A	B	C
13	Which museum has some furniture which wasn't needed any more?	A	B	C

Con làm bài Nghe tại link sau: https://youtu.be/34JjvcuFAvs

Lưu ý: *Con hãy mở link nghe bằng máy tính.*

Exam Practice Test 1 — Listening Part 2

Questions 6–10

08 For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher talking to a class about a new music club.

New music club

Start date:	15th September
Day club will meet:	(6) .....
Time:	(7) from ..... to 5 p.m.
Teacher's name:	(8) Mr .....
Teacher's phone number:	(9) .....
Place:	(10) .....

LIVEWORKSHEETS

I. Complete the table.

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
0	(n) *ferry*	phà	3	(n) _____	dây cáp
1	(n) _____	xe máy	4	(n) _____	đai nịt
2	(n) _____	xe lam (ở Thái Lan)	5	(n) _____	xe điện

II. Circle the correct answer.

0. You must not ***(drink / to drink)*** *wine.*

1. In the army, you **(must not / should)** go out after 9 p.m.

2. They **(must not / should)** talk to each other during the exam.

3. You **(must not / should)** play with those wires. They are dangerous.

4. You **(must not / should)** go to the hospital tomorrow or you will be sicker.

5. You **(must not / should)** learn about the culture and laws of the country you're visiting, I am sure it will be very useful.

❖ ***Lưu ý:*** *Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở* ***1 dòng****.*

LIVEWORKSHEETS